

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/HC-PT

Ngày: 19/7/2021

V/v: “*Khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước
về đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các thẩm phán

Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 42/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2021, về việc “*Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 229/2019/HC-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5123/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Lê Sỹ C, sinh năm 1974 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1977; Nơi ĐKNKTT: Tổ 42A (tổ 30 mới), phường T1, quận T, thành phố H; Địa chỉ: Số 131 đường G, tổ 30, phường T1, quận T, thành phố H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Sỹ C: Luật sư Hoàng Đình L, Luật sư Phạm Tuấn L1 – Văn phòng luật sư Z Hà Nội thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân quận T, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Đăng D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T: Ông Lê Hồng T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (theo Giấy ủy quyền số 897/UQ-UBND ngày 15/6/2021), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H (theo Giấy ủy quyền số 43/UQ-UBND ngày 05/03/2021), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường T1, quận T, thành phố H; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Phan M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05-3-2009, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, thành phố H.

Ngày 29-11-2010, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5907/QĐ-UBND về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng - Tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, thành phố H, trong đó có phần quy hoạch đường giao thông.

Ngày 02-10-2013, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5982/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) quận T; kèm theo Quyết định là Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất của UBND quận T được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường H ký xác nhận thẩm định ngày 19-9-2013, trong đó có danh mục các công trình, dự án trong kỳ kế hoạch quận T tại biểu số 11/CH, mục QH đất giao thông (khu R) diện tích 7.35 ha thuộc phường T1, kế hoạch thực hiện năm 2012.

Ngày 14-10-2013, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6188/QĐ-UBND về phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng

đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2. Tên Dự án: Xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2); Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải; Địa điểm đầu tư: quận T.

Thực hiện Văn bản số 133/UBND-QHXDGT ngày 08-01-2014 và Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về việc triển khai đầu tư dự án và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2), thì UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 về việc thu hồi 44,6m² đất do người sử dụng đất là ông Lê Sỹ C và vợ là bà Vũ Thị L để thực hiện Dự án. Cùng ngày 04-11-2016, UBND quận T ban hành Quyết định số 3732/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L, theo đó: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 3.056.012.000đ; gia đình được xét mua 01 căn hộ tái định cư số 605 nhà Chung cư ĐN3 lô đất OCT1- Điểm X1, Khu đô thị B mở rộng quận H1, diện tích 58,12m².

Không đồng ý với các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận T, nên ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L không nhận tiền bồi thường, không bàn giao mặt bằng và không làm thủ tục nhận căn hộ tái định cư.

Ngày 24-11-2016, ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án (nộp đơn ngày 29-11-2016) với yêu cầu: Huỷ Quyết định số 3717/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận T; đồng thời đề nghị xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Dự án, với căn cứ:

- Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận T ban hành dựa trên cơ sở Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H, mà Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 là quyết định trái pháp luật, thể hiện:

- + Quyết định này phê duyệt Dự án không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận T thời kỳ 2011-2015;

+ Việc lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đoạn tuyến đường trên của Dự án và thu hồi đất không lấy ý kiến nhân dân; nhân dân không được tham gia; Dự án không phù hợp quy hoạch sử dụng đất của quận T; Mục tiêu của dự án không đúng sự thật, không khách quan mà là nhằm phục vụ cho lợi ích của doanh nghiệp; Dự án thuộc trường hợp phải dừng thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Dự án không được thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch sử dụng đất trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thì Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc Cường chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Sỹ C.

Do ông Lê Sỹ C có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 nêu trên, nên Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Sỹ C, theo đó đã không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Sỹ C; giữ nguyên Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 của Chủ tịch UBND quận T.

Ông Lê Sỹ C tiếp tục có đơn khiếu nại lần 2 và đã được Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết bằng Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 có nội dung: *“Đồng ý với Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại”*.

Thông qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại ngày 22-7-2019, thì người khởi kiện được biết Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của hộ ông Lê Sỹ C. Ngày 23-7-2019, ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung: Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 và Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận T về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại lần đầu; Hủy Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2, với lý do:

+ Gia đình đang khởi kiện đối với Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận T và Tòa án đã thụ lý giải quyết chưa có kết quả. Vì vậy, việc Chủ tịch UBND quận ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

+ Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là trái quy định tại Điều 43

Luật đất đai 2013 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

+ Dự án không thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất được quy định tại các Điều 61 và Điều 62 Luật đất đai 2013.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T có quan điểm:***

Căn cứ Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Dự án; Biên bản xác định mốc giới và bàn giao mốc giới ngày 11-11-2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường (đã được xác định trên thực địa); Văn bản số 8984/UBND-TNMT ngày 18-11-2014 của UBND thành phố H về việc thu hồi đất dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2; Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 14-10-2013 và Văn bản số 133/UBND-QHXDGT ngày 08-01-2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án và triển khai đầu tư Dự án. Theo đó, UBND thành phố H giao UBND quận T làm chủ đầu tư giải phóng mặt bằng của Dự án.

Ngày 22-01-2014, UBND quận T có Quyết định số 166/QĐ-UBND về việc giao Ban quản lý dự án quận thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án.

Ngày 08-5-2014, UBND quận ban hành Thông báo số 188/TB-UBND về việc Thông báo thu hồi đất thuộc phường T1, quận T.

Ngày 30-6-2014, UBND quận T ban hành Quyết định số 3494/ QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án.

Ngày 11-11-2014, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng UBND quận T đã thực hiện việc bàn giao mốc giới trên thực địa.

Ngày 19-12-2014, UBND quận đã ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án và ban hành Thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nằm trong chỉ giới thu hồi của Dự án, trong đó có hộ gia đình ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L.

Ngày 09-6-2015, UBND quận ban hành các Quyết định số 2265/QĐ-UBND và số 2266/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng phường T1 để thực hiện Dự án.

Ngày 21-7-2015, lãnh đạo UBND quận T đã tổ chức họp các hộ dân để

thông báo về kế hoạch triển khai dự án; căn cứ pháp lý; chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; quy mô dự án. Do hộ ông Lê Sỹ C không hợp tác trong việc kê khai, kiểm đếm; sau khi vận động thuyết phục không đạt kết quả, thì Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4284/QĐ-CTUBND ngày 09-9-2015 về việc kiểm đếm bắt buộc và Quyết định số 4641/QĐ-CTUBND ngày 06-10-2015 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với hộ gia đình ông Lê Sỹ C. Việc thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm được thực hiện ngày 12-10-2015.

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm bắt buộc và xác nhận số 22/UBND-ĐC ngày 24-12-2015 của UBND phường T1 về nguồn gốc đất, loại đất, vị trí, người sử dụng, thời điểm sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất; xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu, tình trạng cư trú, tình trạng nhà đất khác, thì UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L.

Ngày 05-01-2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND về việc bán 07 căn hộ tái định cư tại đơn nguyên ĐN3, lô OCT1 - Điểm X1 Khu đô thị B mở rộng, quận H1 cho các hộ gia đình để tái định cư, trong đó có hộ ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L.

Sau nhiều lần vận động, thuyết phục gia đình ông C, bà L nhận tiền, nhà tái định cư và bàn giao mặt bằng nhưng gia đình ông C, bà L không nhận tiền, nhà và không bàn giao mặt bằng. Vì vậy, Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc Cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L.

Do ông Lê Sỹ C có khiếu nại đối với Quyết định cưỡng chế nêu trên nên UBND quận đã thành lập tổ xác minh giải quyết khiếu nại. Căn cứ Báo cáo kết quả xác minh của tổ xác minh, thì Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 về việc giải quyết khiếu nại, theo đó đã không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Sỹ C; giữ nguyên Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 của Chủ tịch UBND quận T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L.

Do ông Lê Sỹ C tiếp tục có khiếu nại lần 2, nên UBND quận T đã chuyển hồ sơ khiếu nại của ông Lê Sỹ C đến UBND thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND quận T có quan điểm: Việc UBND quận và Chủ tịch UBND quận T ban hành

các Quyết định số 3717/QĐ-UBND; Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016; Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 và Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 đối với hộ ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L là hoàn toàn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H có quan điểm:***

Giữ nguyên quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H, theo đó xác định: Dự án xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 trên địa bàn phường T1, quận T thuộc trường hợp thu hồi đất vì mục đích công cộng, do nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện Dự án và UBND quận T được giao làm chủ đầu tư thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của Dự án.

Thực hiện các văn bản phê duyệt, chỉ đạo thực hiện Dự án của UBND thành phố, thì: UBND quận T; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận; UBND phường T1 đã thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L. Do gia đình ông C, bà L không bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 12-10-2017 về việc Cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Dự án là đúng với quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là đúng pháp luật.

Việc ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L khiếu nại và khởi kiện là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đương sự.

**** Đại diện theo ủy quyền của UBND phường T1 có quan điểm:***

UBND phường T1 đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo thẩm quyền với tư cách là thành viên Tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận cũng như là cơ quan xác nhận nguồn gốc đất tại cơ sở.

Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của người bị kiện. Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét

giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 229/2019/HC-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; các khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 3 Điều 62; Điều 63; khoản 2 Điều 66; Điều 69; khoản 3 Điều 71; Điều 74; Điều 75; Điều 79; Điều 83; Điều 89; Điều 91; Điều 92; Điều 93 và Điều 204 Luật đất đai 2013.

Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 22, khoản 8 Điều 29, Điều 43 và Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

Căn cứ Điều 18; Điều 21; từ Điều 27 đến Điều 31 và từ Điều 36 đến Điều 42 Luật khiếu nại 2011.

Căn cứ khoản 6 Điều 17 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 6, Điều 9, Điều 28 và Điều 33 Nghị định số 47/2014/ NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 5, Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 23 và Điều 25 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014; khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/ QĐ-UBND ngày 29-3-2017; Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 21-7-2016 và Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29-12-2014 của UBND Thành phố H.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L về việc đề nghị Tòa án hủy các quyết định hành chính, gồm:

- Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của Ủy ban nhân dân quận T: *“Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2)”*; đối với chủ sử dụng đất là ông Lê Sỹ C và vợ là bà Vũ Thị L.

- Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của Ủy ban nhân dân quận T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án.

- Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc Cường chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

- Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

- Quyết định 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, người khởi kiện ông Lê Sỹ C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có ý kiến thể hiện: Bản thuyết minh quy hoạch sử dụng đất quận T không có dự án đoạn tuyến đường từ khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2, không có quy hoạch giao thông ngoại khu R mà chỉ có quy hoạch trong khu R dẫn đến việc năm 2010 vẫn cấp giấy phép xây dựng cho gia đình ông C, bà L; Việc UBND thành phố ban hành quyết định phê duyệt dự án này là dự án mới vì không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của UBND quận, vì vậy dự án này phải trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt cho phép nhưng UBND thành phố có văn bản chỉ đạo là dự án chuyển tiếp nên không phải trình HĐND là trái quy định của pháp luật; UBND thành phố H không tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân về chủ trương quy hoạch khu R và UBND quận T lấy ý kiến nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất khu R sau khi đã được quy hoạch xong dự án nêu trên là vi phạm quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện theo yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Sỹ C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H rút kinh nghiệm trong việc chậm giao bản án sơ thẩm cho các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận T về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 và Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận T về việc Cường chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L là các quyết định được cơ quan hành chính nhà nước ban hành thuộc hoạt động quản lý nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 24-11-2016, người khởi kiện làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận T. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại ngày 22-7-2019, thì ông Lê Sỹ C mới biết được có Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 15-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H V/v giải quyết khiếu nại lần 2. Ngày 23-7-2019, người khởi kiện làm đơn khởi kiện bổ sung đối với các Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017; Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận T và Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H, UBND quận T và Chủ tịch UBND quận T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Về nguồn gốc đất: Ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 6G-III-27, có diện tích 44,6m² tại địa chỉ: Tổ 42A, phường T1, quận T, thành phố H; trên thửa đất có ngôi nhà 04 tầng được xây dựng theo giấy phép số 1405-2009/GPXD ngày 17-12-2009 do UBND quận T cấp.

Thửa đất đã được UBND quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 13-11-2003, mang tên chủ sử dụng là ông Lê Sỹ C và vợ là bà Vũ Thị L.

Ngày 05-3-2009, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, thành phố H; Ngày 29-11-2010, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5907/QĐ-UBND về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng - Tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, thành phố H, trong đó có phần quy hoạch đường giao thông. Do đó ngày 17-12-2009 UBND quận T cấp giấy phép xây dựng cho gia đình ông C, trước thời điểm phê duyệt điều chỉnh quy hoạch là phù hợp.

[2.2]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận T về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 05-3-2009, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H ban hành Quyết định số 1069/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, H.

Ngày 29-11-2010, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5907/QĐ-UBND về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng - Tỉ lệ 1/500 Khu chức năng đô thị tại số 74 đường N, quận T, thành phố H, trong đó có quy hoạch đường giao thông.

Thực hiện các Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 14-10-2013 về việc phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án; Văn bản số 133/UBND-QHXDGT ngày 08-01-2014 và Văn bản số 2416/UBND-QHXDGT ngày 04-4-2014 về việc triển khai đầu tư Dự án; Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 của UBND thành phố H. Thì, UBND quận T đã thực hiện các bước về trình tự, thủ tục để thực hiện thu hồi đất thực hiện Dự án, cụ thể: Ban hành Thông báo số 188/TB-UBND ngày 08-5-2014 về việc thông báo thu hồi đất; Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 30-6-2014 về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án; Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 09-12-2014; Ban hành các Quyết định số 2265/QĐ-UBND và số 2266/QĐ-UBND ngày 09-6-2015 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng. Tổ chức họp dân phổ biến Dự án vào ngày 21-7-2015.

Do một số hộ dân không hợp tác để đo đạc, kiểm đếm tài sản trong đó có

hộ ông Lê Sỹ C nên sau khi vận động, thuyết phục không đạt kết quả, thì UBND quận T đã ban hành Quyết định số 4284/QĐ-UBND ngày 09-9-2015 về việc kiểm đếm bắt buộc và Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 06-10-2015 về việc cưỡng chế kiểm đếm đối với hộ ông Lê Sỹ C. Việc tiến hành cưỡng chế kiểm đếm được thực hiện vào ngày 12-10-2015.

Căn cứ Bản xác nhận nguồn gốc đất số 23/UBND-ĐC ngày 24-12-2015 của UBND phường T1, thì UBND quận T đã ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 về việc thu hồi 58,12m² đất của hộ ông Lê Sỹ C, bà Vũ Thị L và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông C với tổng số tiền là 3.056.012.000 đồng; Gia đình được xét mua 01 căn hộ tái định cư tại phòng số 1205 chung cư ĐN3 lô đất OCT1- Điểm X1, Khu đô thị B mở rộng, quận H1, diện tích 58,12m².

Hội đồng xét xử nhận thấy: Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật đất đai 2013.

UBND quận T ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016, là đảm bảo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai 2013.

Quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện không thắc mắc về diện tích đất bị thu hồi thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng mà chỉ cho rằng giá bồi thường là quá thấp so với giá trị thực tế theo giá thị trường tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường.

Về diện tích: Do người có đất bị thu hồi không hợp tác vì không nhất trí với chủ trương thực hiện Dự án, nên UBND quận T chưa đo đạc hiện trạng thực tế mà chỉ dựa trên vị trí mốc giới được bàn giao với hồ sơ quản lý địa chính để xác định diện tích thu hồi là 44,6 m² đất nằm trong dự án. Về giá bồi thường đất và tài sản trên đất được thực hiện theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 và Quyết định số 4002/QĐ-UBND ngày 21-7-2016 của UBND thành phố H; theo đó giá đất bồi thường tại dự án bằng 1,84 - 1,85 lần giá đất bồi thường (tùy theo vị trí) được quy định tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29-12-2014 của UBND thành phố H.

Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L đã được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng nếu có phát sinh về diện tích đất thực tế sử dụng hoặc tài sản trên đất chưa được kiểm đếm, bồi thường thì sẽ được UBND

quận T phê duyệt bổ sung theo quy định.

Việc người khởi kiện cho rằng: Dự án được UBND thành phố H phê duyệt bằng Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 là không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thuộc địa bàn quận T theo Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02-10-2013 của UBND thành phố H. Vì vậy, các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được ban hành dựa trên Quyết định 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 cũng không phù hợp và trái pháp luật là không có căn cứ, bởi lẽ: Tại các Văn bản số 1707/ KH&ĐT-TĐ ngày 25-5-2015 và Văn bản số 4441/KH&ĐT ngày 18-11-2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trả lời 09 hộ dân có đơn kiến nghị và trả lời Ban tiếp công dân thành phố H về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận T tại Dự án: Tại Văn bản số 2446/QHKT-P7 ngày 25-6-2014 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thẩm định: “*Đề xuất đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 là phù hợp với quy hoạch được duyệt và hồ sơ chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch xây dựng H xác định ngày 26-3-2014*”; Tại Văn bản số 3247/STNMT-KHTH ngày 20-6-2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến thẩm định: “*Dự án xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối đường L2 (thuộc tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông T3 và cầu nối đường L2) đã được đăng ký trong danh mục các dự án thuộc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) quận T được Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02-10-2013*”.

Về sự phù hợp của Dự án với quy hoạch: Theo ý kiến của Sở Quy hoạch kiến trúc tại Văn bản số 4560/QHKT-TTra ngày 08-10-2015, thể hiện: “*Về mặt quy hoạch tuyến đường nối từ phố Q đến đường ven sông T3 được xác định thống nhất về quy mô, hướng tuyến tại tất cả các đồ án quy hoạch đã được duyệt*”.

Tại Văn bản số 6244/STNMT-QHKHSDĐ ngày 05-11-2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã thể hiện nội dung: “*Về quy hoạch sử dụng đất: UBND thành phố phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) quận T tại Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 02-10-2013*;

Về kế hoạch sử dụng đất: Ngày 23-01-2015, UBND thành phố có Quyết định số 346/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận T, trong đó: *Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng (246,84 ha); Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 (0,23*

ha) đã được tổng hợp trong danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận T ...”.

Dự án được phê duyệt đồng ý cho triển khai theo Quyết định số 6188/QĐ-UBND ngày 14-10-2013 và được triển khai theo Văn bản số 133/UBND-QHXDGT ngày 08-01-2014 của UBND thành phố H. Căn cứ Điều 99 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, thì Dự án được tiếp tục triển khai thực hiện mà không phải thực hiện lại quy trình theo quy định tại Luật đất đai 2013.

Theo Văn bản số 8984/UBND-TNMT ngày 18-11-2014 của UBND thành phố H gửi UBND quận T có nội dung: *Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến từ khu đô thị R đến đường ven sông T3 và cầu nối sang đường L2 thuộc diện dự án chuyển tiếp thực hiện trong năm 2014, không phải làm thủ tục báo cáo HĐND thành phố phê duyệt danh mục dự án thu hồi đất năm 2015.*

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND và Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04-11-2016 của UBND quận T là có cơ sở.

[2.3]. Đối với khiếu kiện Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận T:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Ông Đặng Hồng Thái - Phó Chủ tịch UBND quận T ký thay Chủ tịch để ban hành Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 là đảm bảo đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định: Sau khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Lê Sỹ C và vợ là bà Vũ Thị L; UBND quận T đã nhiều lần vận động, thuyết phục gia đình nhận tiền bồi thường, nhận nhà tái định cư và bàn giao mặt bằng nhưng không đạt kết quả. Vì vậy, việc Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lê Sỹ C là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29-3-2017 và khoản 4 Điều 34 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20-6-2014 của UBND thành phố H.

[2.4]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận T:

Ngày 23-10-2017, gia đình ông Lê Sỹ C nhận được Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc Cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND quận T. Không nhất trí với Quyết định 3871/QĐ-CTUBND nêu trên, thì

ông Lê Sỹ C đã làm đơn khiếu nại, với lý do: Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận T đang bị khởi kiện; vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết và chưa có kết quả nên việc ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

Sau khi nhận đơn khiếu nại, thì Chủ tịch UBND quận T đã thụ lý đơn khiếu nại và thành lập tổ xác minh giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 4455/QĐ-CTUBND ngày 07-11-2017 về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Căn cứ Báo cáo kết quả xác minh số 183/BC-TXM ngày 06-12-2017 của tổ xác minh, thì Chủ tịch UBND quận đã ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND quận ký ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về căn cứ: Do Quyết định số 3871/QĐ-CTUBND ngày 12-10-2017 về việc Cưỡng chế thu hồi đất là đúng pháp luật; phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật đất đai 2013 nên việc Chủ tịch UBND quận T giải quyết khiếu nại, theo đó đã không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Sỹ C là phù hợp.

[2.5]. Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Về thẩm quyền: Phó Chủ tịch UBND thành phố H ký thay Chủ tịch UBND thành phố để ban hành Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) là đúng thẩm quyền.

Về căn cứ: Do Quyết định 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 của Chủ tịch UBND quận T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Sỹ C là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên việc Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 07-6-2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2, với nội dung: Đồng ý với Quyết định số 4725/QĐ-CTUBND ngày 08-12-2017 V/v giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.6]. Về kiến nghị xem xét đối với Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Dự án.

Xét thấy: Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Dự án là Quyết định phê duyệt tổng thể, không mang tính cá biệt nên không là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định 4957/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND thành phố H. Chủ tịch

UBND thành phố H đã có quan điểm đối với khiếu nại cũng như yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, nên không có căn cứ để kiến nghị UBND thành phố H xem xét lại đối với Quyết định này theo quy định tại Điều 187 và Điều 111 Luật tố tụng hành chính.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ C và bà Vũ Thị L là có cơ sở; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện cũng như đề nghị sửa bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xét xử ngày 31/10/2019 đến ngày 07/10/2020 mới được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự dẫn đến việc chuyển hồ sơ kháng cáo bị chậm so với quy định của Luật tố tụng hành chính, vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

[3]. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Sỹ C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 229/2019/HC-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí: Ông Lê Sỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông C đã nộp tại Biên lai thu số 0020880 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà